

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-BKHĐT ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 5345/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công năm 2016;

Căn cứ Công văn số 768/CV-HĐND ngày 23/11/2016 của Thường trực HĐND về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho các dự án đầu tư xây dựng phòng học mầm non thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4761/SKHĐT-VX ngày 09/11/2016 về việc giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho các dự án đầu tư xây dựng phòng học mầm non thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao chi tiết kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 cho các dự án đầu tư xây dựng phòng học mầm non thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên để các ngành, đơn vị liên quan thực hiện, cụ thể như sau:

1. Tổng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ đợt 3 năm 2016 là 226.568 triệu đồng.

- Số vốn giao chi tiết kế hoạch đợt này: 226.568 triệu đồng

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

2. Thời gian giải ngân kế hoạch năm 2016: thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Điều 46, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Quyết định số 1981/QĐ-BKHĐT ngày 28/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2.

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thông báo chi tiết, cụ thể mức vốn và mục tiêu đầu tư của từng dự án để các chủ đầu tư và các ngành, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn được giao tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, căn cứ mục tiêu đầu tư được giao, xác định khối lượng cụ thể, phù hợp với mức vốn được giao kế hoạch để tổ chức thực hiện, đảm bảo tiến độ và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Giao Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa kiểm soát chặt chẽ việc giải ngân của chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định và đúng với mục tiêu đầu tư được xác định cụ thể trong quyết định giao kế hoạch của Chủ tịch UBND tỉnh

4. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo và các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư trong quá trình thực hiện.

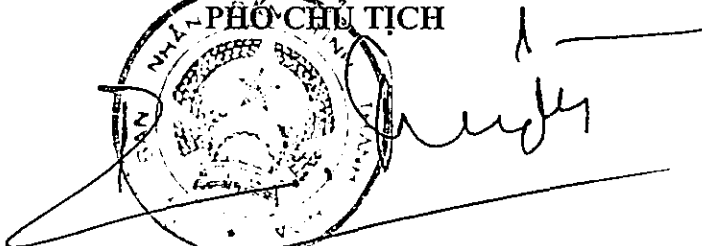
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hoá; Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính (để b/c);
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phó CVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

 Phụ lục:
CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN TRẠI BỆNH CHÍNH PHỦ NĂM 2016 CHO CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÒNG HỌC MẦM NON
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN
(Kèm theo Quyết định số: 768/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

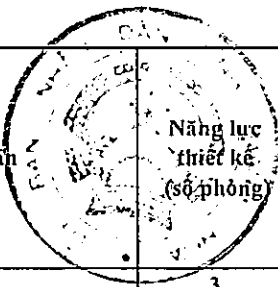
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	189		243.435	226.568	226.568		
I	Huyện Lang Chánh	6		7.656	6.960	6.960		
1	Mầm non Đồng Lương	2	455/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.610	2.373	2.373	UBND xã Đồng Lương	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
2	Mầm non Yên Thắng	2	456/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.498	2.271	2.271	UBND xã Yên Thắng	- nt -
3	Mầm non Yên Khương	2	457/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.548	2.316	2.316	UBND xã Yên Khương	- nt -
II	Huyện Thường Xuân	81		105.197	98.994	98.994		
1	Mầm non Bát Mọt	6		8.034	7.560	7.560		
-	Khu thôn Chiềng I	1	584/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.337	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
-	Khu thôn Khẹo	1	585/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.362	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Cạn	3	586/QĐ-UBND, 30/3/2016	3.998	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu thôn Phổng	1	587/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.337	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
2	Mầm non Yên Nhân	7		9.871	8.820	8.820		
-	Khu thôn Chiềng	3	599/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.150	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Mị	4	1124/QĐ-UBND, 30/3/2016	5.720	5.040	5.040	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
3	Mầm non Lương Sơn	9		11.258	10.357	10.357		
-	Khu thôn Ngọc Sơn	6	1122/QĐ-UBND, 30/3/2016	7.234	6.577	6.577	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Minh Ngọc	1	594/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.349	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Ngọc Thượng	2	595/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.675	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
4	Mầm non Xuân Cẩm	1		1.351	1.260	1.260		
-	Khu thôn Xuân Quang	1	563/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.351	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Mầm non Xuân Chinh	2	565/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.556	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
6	Mầm non Xuân Lộc	10		13.215	12.600	12.600		
-	Khu thôn Quế	1	596/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.347	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Lũy	1	597/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.347	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Chiềng	8	1123/QĐ-UBND, 30/3/2016	10.521	10.080	10.080	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
7	Mầm non Xuân Thắng	4		5.089	4.941	4.941		
-	Khu thôn Dín	4	1126/QĐ-UBND, 30/3/2016	5.089	4.941	4.941	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
8	Mầm non Tân Thành	5		6.296	6.296	6.296		
-	Khu thôn Thành Lãm	2	567/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.519	2.519	2.519	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Thành Lợi	1	568/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.259	1.259	1.259	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu thôn Thành Lai	1	569/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.259	1.259	1.259	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Thành Nàng	1	570/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.259	1.259	1.259	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
9	Mầm non Luận Khê	12		16.032	15.120	15.120		
-	Khu thôn An Nhân	3	588/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.004	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Buồng	2	589/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.671	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Kha	3	590/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.011	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Trảng Cát	2	591/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.668	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Yên Mỹ	2	592/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.677	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
10	Mầm non Luận Thành	7		8.474	7.795	7.795		

STT	Danh mục dự án	 Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu thôn Thống Nhất	6	1121/QĐ-UBND, 30/3/2016	7.188	6.535	6.535	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu thôn Thành Thắng	1	583/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.287	1.260	1.260	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
11	Mầm non Thọ Thanh	2	564/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.548	2.520	2.520	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
12	Mầm non Xuân Cao	4	1127/QĐ-UBND, 30/3/2016	5.153	5.003	5.003	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
13	Mầm non Xuân Dương	6		7.306	6.642	6.642		
-	Khu thôn 2	6	1125/QĐ-UBND, 30/3/2016	7.306	6.642	6.642	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
14	Mầm non thị trấn Thường Xuân	6		8.013	7.560	7.560		
-	Khu 1	3	561/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.010	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
-	Khu 2	3	562/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.004	3.780	3.780	BQLDA các công trình xây dựng huyện Thường Xuân	- nt -
III	Huyện Quan Hóa	10		12.767	12.284	12.284		

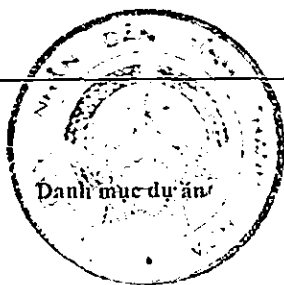
STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Mầm non Nam Xuân	1	129/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.272	1.224	1.224	UBND xã Nam Xuân	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
2	Mầm non Nam Tiến	3	128/QĐ-UBND, 30/3/2016	3.849	3.705	3.705	UBND xã Nam Tiến	- nt -
3	Mầm non Hiền Chung	2	141/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.528	2.430	2.430	UBND xã Hiền Chung	- nt -
4	Mầm non Hiền Kiệt	2	143/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.579	2.482	2.482	UBND xã Hiền Kiệt	- nt -
5	Mầm non Thanh Xuân	1	140/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.280	1.230	1.230	UBND xã Thanh Xuân	- nt -
6	Mầm non Trung Thành	1	142/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.260	1.213	1.213	UBND xã Trung Thành	- nt -
IV	Huyện Quan Sơn	17		21.714	20.525	20.525		
1	Mầm non Sơn Lư	5	1128/QĐ-UBND, 30/3/2016	6.495	6.300	6.300	UBND xã Sơn Lư	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
2	Mầm non Tam Thanh	6	1129/QĐ-UBND, 30/3/2016	7.551	7.058	7.058	UBND xã Tam Thanh	- nt -
3	Mầm non Sơn Điện	6	1130/QĐ-UBND, 30/3/2016	7.668	7.167	7.167	UBND xã Sơn Điện	- nt -
V	Huyện Mường Lát	60		77.165	69.883	69.883		
1	Mầm non Mường Chanh	9		12.334	11.133	11.133		
-	Khu bản Bồng	1	630/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.425	1.260	1.260	UBND xã Mường Chanh	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
-	Khu bản Na Chùa	2	631/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.559	2.313	2.313	UBND xã Mường Chanh	- nt -



STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu bán Cầu Chai	3	632/QĐ-UBND, 31/3/2016	4.112	3.780	3.780	UBND xã Mường Chanh	- nt -
-	Khu bán Chai + bán Lách	3	633/QĐ-UBND, 31/3/2016	4.239	3.780	3.780	UBND xã Mường Chanh	- nt -
2	Mầm non Quang Chiêu	12		13.543	12.181	12.181		
-	Khu bán Cò Còi	1	634/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.414	1.260	1.260	UBND xã Quang Chiêu	- nt -
-	Khu bán Púng	10	1131/QĐ-UBND, 30/3/2016	10.626	9.661	9.661	UBND xã Quang Chiêu	- nt -
-	Khu bán Con Dao	1	635/QĐ-UBND, 31/3/2016	1.503	1.260	1.260	UBND xã Quang Chiêu	- nt -
3	Mầm non Tén Tán	4		5.163	4.752	4.752		
-	Khu bán Chiềng Cống	3	595/QĐ-UBND, 28/3/2016	3.790	3.496	3.496	UBND xã Tén Tán	- nt -
-	Khu bán Chiên	1	596/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.373	1.256	1.256	UBND xã Tén Tán	- nt -
4	Mầm non Tam Chung	7		9.198	8.417	8.417		
-	Khu bán Lát	3	597/QĐ-UBND, 28/3/2016	4.048	3.651	3.651	UBND xã Tam Chung	- nt -
-	Khu bán Lóng	1	601/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.299	1.188	1.188	UBND xã Tam Chung	- nt -
-	Khu bán Ôn	3	600/QĐ-UBND, 29/3/2016	3.852	3.578	3.578	UBND xã Tam Chung	- nt -
5	Mầm non Pù Nhi	6		7.697	7.003	7.003		

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu bản Cơm	1	622/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.347	1.254	1.254	UBND xã Pù Nhi	- nt -
-	Khu bản Cá Nọi	2	623/QĐ-UBND, 30/3/2016	2.526	2.270	2.270	UBND xã Pù Nhi	- nt -
-	Khu bản Hua Pù	1	624/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.311	1.221	1.221	UBND xã Pù Nhi	- nt -
-	Khu bản Pù Ngùa	2	583/QĐ-UBND, 28/3/2016	2.514	2.258	2.258	UBND xã Pù Nhi	- nt -
7	Mầm non Trung Lý	13		16.858	15.298	15.298		
-	Khu bản Ca Giảng	1	602/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.380	1.212	1.212	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Suối Hộc	1	603/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.272	1.144	1.144	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Na Ôn	1	604/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.311	1.222	1.222	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Pa Búa	3	605/QĐ-UBND, 29/3/2016	3.920	3.717	3.717	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Tà Cóm	2	606/QĐ-UBND, 29/3/2016	2.529	2.313	2.313	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Xa Lao	1	607/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.350	1.260	1.260	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Cảnh Cọng	1	608/QĐ-UBND, 29/3/2016	1.279	1.151	1.151	UBND xã Trung Lý	- nt -
-	Khu bản Co Cài	3	609/QĐ-UBND, 29/3/2016	3.817	3.279	3.279	UBND xã Trung Lý	- nt -
8	Mầm non Mường Lý	9		12.372	11.099	11.099		

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	Khu bản Chà Lan	1	615/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.409	1.254	1.254	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Xa Lung	1	616/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.285	1.196	1.196	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Trung Tiến	1	617/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.286	1.197	1.197	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Trung Thắng	1	618/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.333	1.185	1.185	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Sài Khao	1	619/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.385	1.232	1.232	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Nàng	3	620/QĐ-UBND, 30/3/2016	4.263	3.780	3.780	UBND xã Mường Lý	- nt -
-	Khu bản Mau	1	621/QĐ-UBND, 30/3/2016	1.410	1.255	1.255	UBND xã Mường Lý	- nt -
VI	Huyện Như Xuân	5		6.326	5.883	5.883		
1	Mầm non Xuân Bình	3	605/QĐ-UBND, 31/3/2016	3.776	3.432	3.432	UBND xã Xuân Bình	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
2	Mầm non Thượng Ninh	2	606/QĐ-UBND, 31/3/2016	2.550	2.451	2.451	UBND xã Thượng Ninh	- nt -
VII	Huyện Bá Thước	10		12.610	12.039	12.039		
1	Mầm non Lũng Niêm	2	834/QĐ-UBND, 28/3/2016	2.549	2.428	2.428	UBND xã Lũng Niêm	Hoàn thành và quyết toán dự án theo quy định
2	Mầm non Lâm Xa	1	830/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.261	1.236	1.236	UBND xã Lâm Xa	- nt -
3	Mầm non Tân Lập	2	831/QĐ-UBND, 28/3/2016	2.502	2.383	2.383	UBND xã Tân Lập	- nt -



STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế (số phòng)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP năm 2016	Chủ đầu tư	Mục tiêu đầu tư
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT	Vốn TPCP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Mầm non Ái Thượng	2		2.519	2.415	2.415		
-	Khu thôn Cồn	1	832/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.258	1.190	1.190	UBND xã Ái Thượng	- nt -
-	Khu thôn Khà	1	833/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.260	1.225	1.225	UBND xã Ái Thượng	- nt -
5	Mầm non Diên Quang	1	837/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.259	1.192	1.192	UBND xã Diên Quang	- nt -
6	Mầm non Diên Trung	1	836/QĐ-UBND, 28/3/2016	1.259	1.192	1.192	UBND xã Diên Trung	- nt -
7	Mầm non Lâm Trường	1	835/QĐ-UBND, ngày 28/3/2016	1.260	1.193	1.193	UBND xã Lâm Trường	- nt -